**Tên bài học: Bài 108. êu, iu**

**Tiết 246 + 247**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết các vần **êu, iu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **êu, iu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **êu**, vần **iu**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ba lưỡi rìu** (1).

- Viết đúng các vần **êu, iu**, các tiếng (con) **sếu**, (cái) **rìu** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học:**

a. Giáo viên: Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu; máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật; bảng cài, bộ thẻ

b. Học sinh:SGK Tiếng Việt1, tập 2; VBT Tiếng Việt 1, tập hai; bút chì, đồ dùng học tập; bảng con, phấn; bảng cài, bộ chữ

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1.Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định: Cả lớp hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)**  DẠY BÀI MỚI  **Giới thiệu bài**: vần **êu**, vần **iu**.  **Hoạt động 1:Dạy *vần êu***  - GV viết: **ê, u.** / HS (cá nhân, cả lớp): **ê - u - êu**.  - HS nói: con sếu. Tiếng **sếu** có vần **êu**. / Phân tích vần êu tiếng sếu. / Đánh vần, đọc trơn: ê - u - êu / sờ - êu - sêu - sắc - sếu/ con sếu.  **Hoạt động 2:Dạy *vần iu*** (như vần **êu**)  - Đánh vần, đọc trơn: i - u - iu/ rờ - iu - riu - huyền - rìu/ cái rìu,  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: êu, con sếu; iu, cái rìu.  **3. Hoạt động vận dụng thực hành**  **Hoạt động 1: *Mở rộng vốn từ*** (BT 2)  - GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ, cả lớp đọc: *bé xíu, lều vải*,...  - HS đọc thầm, nối hình với từng từ ngữ trong VBT.  - 1 HS nói kết quả, GV giúp HS gắn chữ dưới hình trên bảng lớp.  - GV chỉ từng hình, cả lớp: 1) lều vải, 2) địu con, 3) trĩu quả,...  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xíu có vần **iu**. Tiếng lều có vần **êu**,...  **Hoạt động 2: *Tập viết*** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **êu, iu, con sếu, cái rìu**.  b) Viết vần: **êu, iu**  - 1 HS đọc vần **êu**, nói cách viết.  - GV vừa viết mẫu vần **êu** vừa hướng dẫn. Chú ý cách viết nét phụ trên âm **ê**, nét nối giữa **ê** và **u**. / Làm tương tự với vần **iu**.  - HS viết: **êu, iu** (2 lần).  c) Viết tiếng: (con) **sếu**, (cái) **rìu**  - GV vừa viết tiếng **sếu** vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ: **s** cao hơn 1 li, **êu** - 1 li; dấu sắc đặt trên **ê**. / Làm tương tự với tiếng **rìu**.  - HS viết: (con) s**ếu**, (cái) **rìu** (2 lần). | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS đọc  - HS thực hiện  - HS lắng nghe theo dõi  - HS thực hiện  - HS đọc  - 1 HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS viết bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **Hoạt động 3: *Tập đọc*** (BT 3) (30 phút)  a) GV giới thiệu truyện Ba lưỡi rìu (1): Chàng tiều phu nghèo đi đốn củi, làm văng lưỡi rìu xuống sông. Chàng ôm mặt khóc. Bụt hiện lên giúp chàng.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): đốn củi, nghèo, rìu sắt, lưỡi rìu, vàng, khóc, ông lão, mếu máo, lặn xuống.  d) Luyện đọc cậu  - GV: Bài có mấy câu? (9 câu). GV đánh số thứ tự từng câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp; đọc liền 2 câu: 6, 7).  e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn: 4 câu/ 5 câu.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC./1 HS đọc trên bảng lớp 2 câu văn chưa hoàn thành.  - HS làm bài cá nhân. / 1 HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp nhắc lại:  a) Chàng đốn củi chỉ có một chiếc rìu sắt,  b) Một hôm, chàng đi đốn củi, chẳng may lưỡi rìu văng xuống sông.  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:5’**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **êu** (kêu, nêu, trêu,...); có vần **iu** (thiu, chịu, níu,...).  - GV dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; xem trước bài 109 (**iêu, yêu**). | - HS lắng nghe theo dõi  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS trả lời  - HS đọc  - HS đọc nối tiếp  - HS thi đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS tìm và nêu  - HS lắng nghe và thực hiện |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**